

Về hôn nhân: Chị Mai Thị T và Anh Lương Phú T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận N, thành phố Hải Phòng tháng 01/1991. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được

một thời gian thì giữa hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do Anh T ham mê lô đề, cờ bạc dẫn đến thiệt hại kinh tế gia đình (năm 1996 vợ chồng đã phải bán 01 căn nhà để trả nợ). Chị T đã nhẫn nhịn nhiều năm vì thương các con còn nhỏ nên lần lượt lần bỏ qua cho Anh T để vun vén gia đình. Đến cuối năm 2018, Anh T nợ nần lô đề một số tiền lớn dẫn đến việc vợ chồng chị phải thỏa thuận bán căn nhà đang sống tại tổ 15, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng để chia tài sản và hai anh chị Thống nhất thuận tình ly hôn, việc này có sự chứng kiến của gia đình nội ngoại. Tuy nhiên, Anh T thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn. Đến nay, qua nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, Chị T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, Chị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Lương Phú T.

Về con chung: Chị Mai Thị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lương Thu T, sinh ngày 20/9/1991 và Lương Khánh L, sinh ngày 14/11/2003. Ly hôn, Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh Linh và không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lương Thu T đã thành niên và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 15 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn - Anh Lương Phú T trình bày:

Anh xác nhận lời trình bày của Chị T về điều kiện và thời gian kết hôn là đúng. Trong thời gian chung sống, Anh T thấy mình là người chu toàn trong công việc gia đình, chăm lo cho các con. Tuy nhiên, Anh T thừa nhận có tham gia ghi đề và đánh lô tô ba càng với số tiền không lớn (ghi nợ 120 triệu đồng và đã thắng về 350 triệu đồng để sửa sang nhà cửa) và có cho một số anh em bạn bè vay tiền nhưng không đòi được, làm ăn thất thoát về kinh tế nên giữa vợ chồng xảy ra xung đột khắc khẩu, không có tiếng nói chung nhưng anh cho rằng hạnh phúc vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn với Chị T.

- Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lương Thu T sinh năm 1991 và Lương Khánh L sinh năm 2003. Trường hợp ly hôn, Anh T tôn trọng nguyện vọng của cháu Lương Khánh L. Cháu Lương Thu T đã thành niên và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con Anh T không có quan điểm.

- Về tài sản chung: Anh T có quan điểm đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, tiến hành tổ chức phiên tiếp cận chứng cứ, hòa giải anh Nguyễn Thành Đạt đều có mặt và cũng đã có quan điểm khai nhận về nội dung khởi kiện của Chị T. Tuy nhiên, mặc dù đã được Tòa án tiến hành niêm

yết, triệu tập hợp lệ Anh T đến phiên tòa xét xử, nhưng Anh T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Chị Mai Thị T có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai của mình và đề nghị xét xử vắng mặt Anh Lương Phú T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn đã không chấp hành qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Mai Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là Anh Lương Phú T; nơi ĐKKHTT: Tổ 15 phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, nơi ở hiện nay: Số 34/1122 đường N, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Mai Thị T có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa, Anh Lương Phú T vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt trực tiếp. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên tòa có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về hôn nhân:

[3] Chị Mai Thị T và Anh Lương Phú T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Mâu thuẫn của Chị T, Anh T qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã xác minh, thu thập tại chính quyền địa phương và hai bên gia đình là đúng với thực tế:

Do xuất phát từ việc Anh T ham mê lô đề cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình gặp khó khăn và nợ nần nhiều (vợ chồng đã nhiều lần phải bán nhà để trả nợ) ảnh hưởng đến cuộc sống của chị và các con. Do đó, Chị T nộp đơn lên Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, hai bên gia đình cũng đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Bản thân Anh T không đồng ý ly hôn nhưng Anh T không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục Chị T trở về đoàn tụ, Chị T kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Tòa án đã niêm yết, triệu tập Anh T đến phiên tòa nhưng Anh T đều không chấp hành, cố tình trốn tránh không hợp tác. Điều này thể hiện thái độ không tôn trọng, chấp hành pháp luật của Anh T, cũng đồng thời làm rõ việc mâu thuẫn giữa Chị T và Anh T không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy lời khai của Chị T trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại các văn bản khác là có cơ sở. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị Thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyện vọng xin ly hôn của Chị T đối với Anh T là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

- Về con chung:

[6] Chị Mai Thị T, Anh Lương Phú T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lương Thu T, sinh ngày 20/9/1991 và Lương Khánh L, sinh ngày 14/11/2003. Xét thực tế, cháu Lương Thu T đã thành niên và có gia đình riêng hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lương Khánh L, sinh ngày 14/11/2003 hiện tại đang sinh sống và có nguyện vọng được ở với Chị T, Anh T tôn trọng ý kiến của cháu Linh. Do vậy, từ phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử đi đến kết luận cần thiết giao con chung Lương Khánh L cho Chị T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi ích của cháu. Tại thời điểm xét xử, Chị T vẫn giữ quan điểm không yêu cầu Anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng cũng không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà họ không trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không được cản trở thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung:

[7] Chị T, Anh T xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng cũng không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 19, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 3; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho Chị Mai Thị T được ly hôn với Anh Lương Phú T.
2. Về con chung: Giao con chung Lương Khánh L, sinh ngày 14/11/2003 cho Chị Mai Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tiền cấp dưỡng nuôi con chung, Anh T không có quan điểm, Chị T không yêu cầu Anh T có trách nhiệm đóng góp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà họ không trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không được cản trở thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị T, Anh T xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng cũng không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chị T đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí sơ thẩm số 0005423 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị T và Anh Lương Phú T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường C, quận N, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Đức Hoàng